

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2025/HS-ST**
Ngày 02 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn (Giáo viên nghỉ hưu)
2. Bà Nguyễn Thị Tin (Giáo viên nghỉ hưu)

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53A/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn P**, sinh ngày 15/5/2008 tại tỉnh Sơn La; tên gọi khác: không; HKTT: Bản X, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn L, sinh năm 1984 và bà Lò Thị M, sinh năm 1985; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/11/2024 bị Chủ tịch UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2024, hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lò Văn P: Bà Lò Thị M, sinh năm 1985 – Là mẹ đẻ của bị cáo; địa chỉ: thôn Y, xã L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. (có mặt)

Người bào chữa của bị cáo P: Bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Số 663 đường Lê Lợi, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Ông Hoàng Đức T, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hoàng Đức T; địa chỉ: Số 01/8 đường V, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Họ và tên: **Lò Văn V**, sinh năm 2005 tại tỉnh Sơn La; tên gọi khác: không; HKTT: Bản X, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H, sinh năm 1985 (đã chết) và bà Lò Thị L, sinh năm 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Thân Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố B, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lò Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Bản X, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (vắng mặt)

+ Anh Lò Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản X, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (vắng mặt)

+ Anh Lò Văn P, sinh năm 2006; địa chỉ: Bản X, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Bà Lương Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố B, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

+ Anh Hoàng Hữu Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- *Người phiên dịch:* Anh Vi Văn V, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản L, xã N, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Quảng Văn H, chức vụ: Bí thư Đoàn thanh niên xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Lò Văn P, Lò Văn Vh và Lò Văn H cùng thuê trọ tại tổ dân phố Nội, phường Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để làm công nhân thời vụ trong khu công nghiệp. Khoảng 21 giờ ngày 24/6/2024, Phong điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 26AA-390.90 của Lò Văn V chở V và H đến quán ốc Quyển Như của bà Lương Thị S ăn ốc, uống rượu. Một lúc sau, anh Thân Văn V và anh Hoàng Hữu Đ mỗi người đi 01 xe mô tô đến quán. Anh V đi xe mô tô Honda Airbalade biển kiểm soát 98G1 – 104.28, đăng ký xe mang tên Thân Văn V, còn anh Đắc đi xe mô tô Honda Wave Anphal biển kiểm soát 98G1 – 137.11. Hai người ngồi ăn ốc, uống rượu ở bàn gần vị trí nhóm của P đang ngồi. Trong lúc ngồi ăn uống, anh Thân Văn V và anh Đ đi sang bàn nhóm của P mời rượu sau đó ghép bàn ngồi uống rượu cùng nhau. Do không có tiền chi tiêu và biết anh V và anh Đ đi xe mô tô đến quán nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh V hoặc của anh Đắc để bán lấy tiền chi tiêu. Phong nói với Lò Văn V và H bằng tiếng dân tộc Thái với nội dung “Mấy anh này say rồi, tý tao trộm mất xe cho mà xem”; ý của Phong nói là sẽ lấy xe mô tô của anh V hoặc của anh Đ. Thấy P nói vậy, Lò Văn V nói “Chắc chắn rồi, xác định rồi” và P, H, Lò Văn V nhìn nhau cười. Lò Văn V nói “Ăn uống trước đi, cứ để cho nó say đã”. Phong nói “Cứ ăn trước đi, tý tao lấy cho mà xem”. Sau đó, Lò Văn V và H liên tục mời rượu mục đích để anh Thân Văn V và anh Đ bị say rượu. Còn P không uống rượu để tỉnh táo nhằm mục đích thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh V hoặc của anh Đ.

Khoảng 02 giờ ngày 25/6/2024, anh Đ do uống nhiều rượu không tiếp tục uống được nữa nên đi xe mô tô về trước, còn anh Thân Văn V tiếp tục ngồi uống rượu với nhóm của P và bị say rượu ngồi gục mặt lên bàn. Lúc này, P đi đến ngồi gần anh Thân Văn V và hỏi “Anh còn tỉnh táo không để em đưa anh về” nhưng không thấy anh V trả lời. Phong biết anh Thân Văn V đã say rượu và có điện thoại di động nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. Phong bảo anh Vinh đưa điện thoại để gọi người đến đón. Anh V lấy trong túi quần ra đưa cho P chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng. P hỏi mật khẩu điện thoại thì anh Vinh đọc mật khẩu. P hỏi anh V “Người nhà anh lưu thế nào để gọi người nhà đến đón” nhưng không thấy anh V trả lời. P cất chiếc điện thoại vào túi quần đang mặc rồi bảo anh Vinh đưa chìa khóa xe máy để P đưa về nhà. Anh V lấy chìa khóa xe trong túi quần đưa cho P. P diu đỡ anh V đưa ra chỗ để xe máy để anh V ngồi sau rồi P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98G1 – 104.28 của anh V chở anh V đi ra Quốc lộ 17 được khoảng 01 km rồi đi ngược lại về hướng cầu vượt Song Khê tìm khu vực vắng người để chiếm đoạt

xe. Khi lên cầu vượt Song Khê, P dừng lại và xuống xe còn anh V ngồi gục đầu trên xe. Phong nói với anh V “Anh nhìn vào mắt em, anh còn tỉnh táo không còn chỉ đường cho em đưa về chứ” mục đích để kiểm tra nhận thức của anh V. P thấy anh V không nói gì nên biết anh V đã say rượu. Phong điều khiển xe đi lên cầu vượt Logistic rồi rẽ phải đi khoảng 10 m thì dừng lại ở bãi đất trống bên đường. P bảo anh V xuống xe nôn cho tỉnh táo rồi đỡ anh V xuống xe. Sau đó, P ngồi lên xe mô tô quan sát khoảng 1 đến 2 phút thấy anh V ngồi xồm, gục đầu vào đầu gối ở vỉa hè nên biết chắc chắn anh V không còn tỉnh táo, không thể hô hoán hay đuổi theo được. P bỏ anh V ngồi gục ở bãi đất trống rồi điều khiển xe mô tô đi. Anh V khai nhìn thấy P điều khiển xe đi nhưng do say rượu nên không thể hô hoán hay đuổi theo được mà ngồi gục đầu, ngủ ở vỉa hè. Khoảng 06 giờ cùng ngày, anh V tỉnh rượu thấy đang nằm ở bãi đất trống ở gần đường dẫn lên cầu vượt đang thi công tại Song Khê và bị mất xe mô tô biển kiểm soát 98G1-104.28 và chiếc điện thoại Iphone 12 nên có đơn trình báo.

Đối với Lò Văn P sau khi chiếm đoạt xe mô tô của anh V thì điều khiển xe đến gần quán ốc Quyển Như. Trước đó, Lò Văn V ra thanh toán tiền ốc và rượu hết 1.060.000 đồng, Vinh trả 1.000.000 đồng khát nợ 60.000 đồng và để lại cho bà Sen là chủ quán số điện thoại 0387.052.527 của Vinh để làm tin, hẹn hôm sau sẽ thanh toán rồi đi ra đường chờ Lò Văn P đến. Khi Phong điều khiển xe máy chiếm đoạt của anh Thân Văn V đi đến thì P cùng Lò Văn V, Lò Văn H đi về nhà trọ. P nói với V và H “Em lấy được xe rồi, về Sơn La thôi”. Lò Văn V và H đi lên phòng trọ lấy quần áo rồi cùng P đi về Sơn La. Trên đường đi, ba người bàn bạc với nhau khi đến thành phố Hà Nội thì sẽ bán xe mô tô đã chiếm đoạt của anh V. Tuy nhiên, nhóm của Phong bị mệt nên thuê nhà nghỉ để nghỉ và không bán xe nữa. P kiểm tra cốp xe mô tô thấy có 01 chiếc ví da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Thân Văn V. Tại phòng nghỉ, P bỏ chiếc điện thoại chiếm đoạt của anh Vinh ra xem thì thấy là điện thoại Iphone 12, dung lượng 64GB. Trong lúc P kiểm tra điện thoại thì Lò Văn V nhìn thấy và hỏi nên biết P chiếm đoạt của anh Vinh điện thoại di động. Lò Văn V cầm chiếc điện thoại xem rồi đưa lại cho P. Khoảng 10 giờ cùng ngày, nhóm của P trả phòng nhà nghỉ rồi đi về Sơn La. Trên đường đi, Lò Văn V nói cho Hươi biết việc P lấy được điện thoại của anh Thân Văn V. Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm của P đi về đến thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La và thuê phòng nghỉ. Nhóm của Phong bàn với nhau đến sáng ngày hôm sau sẽ bán xe mô tô của anh Thân Văn V, nếu không bán được xe mô tô thì sẽ bán chiếc điện thoại của anh V để lấy tiền chi tiêu chung.

Buổi sáng ngày 26/6/2024, H và P đi đến 2 cửa hàng mua bán xe máy cũ để bán xe của anh V nhưng do không có giấy tờ nên không bán được. Hai người đến một cửa hàng mua bán điện thoại bán chiếc điện thoại của anh V được 1.500.000 đồng rồi quay lại nhà nghỉ. P, H và V thống nhất để P cầm số tiền này để trả chi phí trên đường về Sơn La. Trên đường về, nhóm của P đến 2 cửa hàng mua bán xe máy cũ để bán chiếc xe của anh V nhưng không bán được. P nói với V và H để P sử dụng xe, khi nào bán được xe thì sẽ chia tiền. Trên đường về nhà, P đã tháo chiếc biển số xe và ném cùng chiếc ví da của anh V xuống sông. Do sợ bị phát hiện nên P và Lò Văn V không về nhà và đi làm ở các nơi khác nhau.

Ngày 23/9/2024, Lò Văn P điều khiển xe chiếm đoạt của anh Thân Văn V đi trên đường thuộc địa bàn phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thì bị tổ công tác Công an thành phố Hà Nội kiểm tra. P không xuất trình được giấy đăng ký xe, xe không có biển kiểm soát nên tổ công tác đã bàn giao cho Công an phường Phương Liên giải quyết. Tại đây, P khai nhận hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Thân Văn V. Công an phường Phương Liên đã bàn giao P cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang cùng những tài sản, vật chứng gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đen, số máy: JF94E0389028, số khung: RLHJF6336MZ734509, không gắn biển số.

- 01 Căn cước công dân số 024092020634 cấp ngày 14/8/2021 mang tên Thân Văn Vinh; 01 túi da màu nâu.

Ngày 26/9/2024, Lò Văn V đầu thú và giao nộp:

- + 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150i, biển kiểm soát 26AA- 390.90.

- + 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng.

- + 01 hợp đồng mua bán xe máy ngày 08/02/2024 của cửa hàng xe máy Khang Châu, địa chỉ thị trấn Ít Ong, Mường La, Sơn La.

Kiểm tra điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng của Lò Văn V thấy có lắp sim số 0387.052.527.

Kết luận định giá tài sản số 250/KL – HĐ ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, biển số 98G1 – 104.28, đã qua sử dụng, mua mới tháng 11/2021 có trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2024 là 23.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, dung lượng 64GB màu trắng, đã qua sử dụng, mua cũ tháng 11/2023, có trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2024 là

7.500.000 đồng.

- 01 ví da nam màu đen dạng gấp, đã qua sử dụng, mua mới tháng 6/2023, có trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2024 là 80.000 đồng.

- Chi phí làm lại 01 sim thuê bao mạng Vinaphone, có trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2024 là 12.500 đồng.

Tổng cộng là 30.592.500 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn P và Lò Văn V khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSTP ngày 14/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn V về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và xác định việc các bị cáo bị truy tố là đúng người, đúng tội, không bị oan.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lò Văn P là bà Lò Thị M nhất trí với lời khai của bị cáo và không có bổ sung gì thêm.

Bị hại anh Trần Văn V trình bày: Anh nhất trí với trình bày của các bị cáo và xác định tối ngày 24/6/2024 anh bị các bị cáo chuốc rượu say và chiếm đoạt tài sản của anh gồm: 01 xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 98G1 – 104.28 và 01 điện thoại Iphone 12. Nay anh đã nhận lại chiếc xe mô tô, anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc điện thoại theo Kết luận định giá là 7.500.000đồng. Gia đình bị cáo P đã bồi thường cho anh số tiền 3.750.000đồng, anh không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường gì thêm. Anh yêu cầu bị cáo Lò Văn V phải bồi thường cho anh số tiền 3.750.000đồng. Anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc ví da và chi phí làm lại sim điện thoại. Về trách nhiệm hình sự, anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Không ai có ý kiến gì về các tài liệu Hội đồng xét xử đã công bố.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn P. Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/9/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn V. Xử phạt bị cáo Lò Văn V từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 26/9/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lò Văn V phải bồi thường cho anh Trần Văn V số tiền 3.750.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bà Lò Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150i, biển kiểm soát 26AA- 390.90. Trả lại bị cáo Lò Văn V 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 túi da màu nâu của bị cáo Lò Văn P .

Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn P; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn V.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P là bà Nguyễn Thị Như Q tranh luận: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo P, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị của Kiểm sát viên là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang trong độ tuổi vị thành niên, suy nghĩ còn bồng bột; bị cáo là người dân tộc cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ hiểu biết, nhận thức còn hạn chế; hoàn cảnh gia đình éo le, bố mẹ đã ly hôn, bố đang đi cai nghiện bắt buộc, mẹ kết hôn với người khác sống ở Thanh Hoá nên bị cáo không được giáo dục đầy đủ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo P từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù về tội cướp tài sản.

Người bào chữa cho bị cáo ông Hoàng Văn T tranh luận: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù về tội cướp tài sản.

Kiểm sát viên đối đáp: Bị cáo P có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ và vai trò của bị cáo P thì thấy, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp mang tài sản đi tiêu thụ, có vai trò chính trong vụ án. Do đó mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo P là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đảm bảo quy định đối với người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, đề nghị mức hình phạt bằng ba phần năm mức hình phạt của người thành niên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị đối với bị cáo P, không bổ sung gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không tranh luận gì thêm. Bị cáo, bà M nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm. Không ai có ý kiến gì khác.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ân hận, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người phiên dịch, người tham gia tố tụng khác vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ

Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi của các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố thì thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Buổi tối ngày 24/6/2024, Lò Văn P, Lò Văn V, Lò Văn H cùng nhau ăn ốc, uống rượu tại quán ốc Quyên Như ở tổ dân phố Nội, phường Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang thì gặp anh Thân Văn V và anh Hoàng Hữu Đ mỗi người đi 01 xe mô tô đến quán ăn ốc, uống rượu. Lò Văn P và Lò Văn V nói với nhau bằng tiếng dân tộc Thái về việc cùng nhau chuốc rượu để anh Thân Văn V và anh Đắc say rượu nhằm mục đích chiếm đoạt xe mô tô. Nhóm của P liên tục mời anh Thân Văn V uống rượu đến khi say. Khoảng 02 giờ ngày 25/6/2024, anh Đắc ra về trước còn anh Thân Văn V bị say rượu ngồi gục mặt lên bàn. Khi anh V đã say rượu, Phong bảo anh V đưa điện thoại di động và chìa khoá xe máy. Anh V đưa cho P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 thì Phong cất vào túi quần. Sau đó, P điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 98G1 – 104.28 của anh V chở anh V đưa đến ngôi tại bãi đất trống ở tổ dân phố Song Khê 1, phường Song Khê, thành phố Bắc Giang để anh V trong tình trạng say rượu, không còn khả năng chống cự. Phong chiếm đoạt của anh V chiếc xe mô tô bên trong cốp xe có 01 chiếc ví da và căn cước công dân rồi cùng với Lò Văn V, Lò Văn H bỏ trốn. Phong đã bán chiếc điện thoại chiếm đoạt của V được 1.500.000 đồng sử dụng chi tiêu chung. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của anh Thân Văn V là 30.592.500 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực điều khiển hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã có hành vi chuốc rượu làm bị hại say, lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản là xe máy và điện thoại của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 điều 168 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phong đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vinh sau khi phạm tội biết hành vi của mình bị phát hiện nên đã ra đầu thú, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Ngày 08/11/2024, Chủ tịch UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ đối với bị cáo Lò Văn P.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, có sự bàn bạc nhưng không phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, các bị cáo phạm tội do bột phát nhất thời.

Bị cáo P là người khởi xướng cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp chiếm đoạt tài sản gồm điện thoại và xe máy của bị hại, trực tiếp mang tài sản đi tiêu thụ. Bị cáo V với vai trò giúp sức tích cực, khi được bị cáo P bàn bạc cùng chiếm đoạt xe của bị hại đã đồng tình và cùng với anh H mời rượu bị hại liên tục làm bị hại lâm vào tình trạng say rượu không thể chống cự được, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại. Việc bị cáo P chiếm đoạt điện thoại của bị hại là nằm ngoài ý thức chủ quan ban đầu của bị cáo V. Tuy nhiên khi V biết P chiếm đoạt điện thoại của bị hại thì không có ý kiến gì và mặc nhiên cùng chi tiêu chung số tiền bán điện thoại của bị hại. Do vậy bị cáo V đồng phạm với bị cáo P trong việc chiếm đoạt tài sản là xe máy và điện thoại của bị hại và cùng phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại khi bị hại có yêu cầu. Vai trò của bị cáo

P tích cực hơn bị cáo V, do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo V. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo P chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, cần áp dụng các quy định riêng dành cho người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 90, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo Phong.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo thì thấy:

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, có ích cho gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta. Việc xử phạt các bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P thì thấy: Bị cáo Phong là người khởi xướng cũng là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp mang tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ, còn tài sản chưa tiêu thụ được thì tiếp tục sử dụng làm phương tiện đi lại. Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm bởi lẽ bị hại đang trong tình trạng say rượu, bị cáo đưa bị hại đến khu đất hoang bỏ lại bị hại ngủ qua đêm ở ngoài đường và cũng may chưa xảy ra hậu quả đáng tiếc về người. Điều này thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của bị cáo. Mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo P từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lò Văn P là anh trai bị cáo Lò Văn P đã tự nguyện bồi thường cho anh Thân Văn V thay cho bị cáo số tiền 3.750.000 đồng để khắc phục hậu quả do chiếc điện thoại chiếm đoạt của anh Vinh không thu hồi được. Bị hại không yêu cầu Lò Văn P phải bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết đối với Lò Văn P.

Anh Thân Văn V yêu cầu bị cáo Lò Văn V bồi thường số tiền 3.750.000 đồng, bị cáo V nhất trí bồi thường cho anh V. Do vậy cần buộc bị cáo Lò Văn V phải có

trách nhiệm bồi thường cho anh Thân Văn V số tiền 3.750.000 đồng là phù hợp với Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đối với giá trị chiếc ví da màu đen và chi phí làm lại sim điện thoại của anh Trần Văn V, anh V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Lò Văn P khai bán chiếc điện thoại di động chiếm đoạt của anh Thân Văn V nhưng không biết tên người mua và không nhớ địa chỉ cửa hàng nên Cơ quan điều tra không xác định và không thu hồi được.

Đối với chiếc biển kiểm soát 98G1 – 104.28 và chiếc ví da của anh Thân Văn V: Theo Lò Văn P khai đã vứt xuống sông trên đường bỏ trốn về Sơn La nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cơ quan điều tra đã trả lại anh Thân Văn V chiếc xe mô tô Honda Airblade, số máy: JF94E0389028, số khung: RLHJF6336MZ734509 không có biển số và 01 căn cước công dân mang tên Thân Văn V, anh V đã nhận lại tài sản. Việc trả tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với tài sản này.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng của Lò Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo Lò Văn V là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Exciter 150i, biển kiểm soát 26AA- 390.90. Kết quả điều tra xác định là tài sản của bà Lò Thị L là mẹ của Lò Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bà L là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 túi da màu nâu là tài sản của bị cáo Lò Văn P không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo Pg không đề nghị xin lại. Xét thấy chiếc túi da màu nâu không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về vấn đề khác trong vụ án:

Đối với Lò Văn H: Theo các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn V khai đã cùng tham gia bàn bạc chiếm đoạt xe mô tô; cùng P đi bán điện thoại chiếm đoạt của anh Thân Văn V và cùng chi tiêu số tiền này. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng hiện nay Lò Văn H không có mặt tại địa phương nên chưa lấy được lời khai. Cơ quan điều tra ra quyết định truy tìm người nhưng chưa có kết quả nên chưa đủ căn cứ vững chắc xác định H đồng phạm về hành vi cướp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra quyết định tách hành vi của Lò Văn H để tiếp tục điều tra, xác

minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Do vậy, trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét đến hành vi của Lò Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử “Toà án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử”.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn V đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các Điều 90, 91, 98, 101; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lò Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn V.

Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn Phong 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/9/2024.

Xử phạt bị cáo Lò Văn V 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn V phải bồi thường cho anh Thân Văn Vinh số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bà Lò Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150i, biển kiểm soát 26AA- 390.90.

Trả lại bị cáo Lò Văn V 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi da màu nâu đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/3/2025 giữa Công an thành phố Bắc Giang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang)

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn P. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn V.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Phòng hồ sơ CA T. Bắc Giang;
- UBND xã Chiềng Lao;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

